FLYERS ENGLISH

Từ vựng A1 Movers: Thế giới quanh ta

21 từ chủ đề thế giới quanh ta mới ở cấp độ Cambridge A1 Movers, kèm 3 từ ở các cấp độ trước mà con vẫn cần. Mỗi từ có nghĩa dễ hiểu và một câu ví dụ.

Cách dùng danh sách này

1. Mỗi ngày học một chủ đề. Mười đến mười lăm phút là đủ.
2. Cùng con đọc to từ, nghĩa và câu ví dụ.
3. Đánh dấu vào ô khi con nói được từ và đặt được câu với từ đó.

Thế giới quanh ta · A1 Movers 21 từ

TỪ	NGHĨA (TIẾNG ANH)	CÂU VÍ DỤ
☐ **city** *noun*	A city is a big town.	*I visit my grandma in the city.*
☐ **country** *noun*	A land with its own government.	*I want to visit another country someday.*
☐ **countryside** *noun*	It is land with farms and nature.	*I like to walk in the countryside.*
☐ **field** *noun*	It is a big space with grass or crops.	*We played soccer in the field.*
☐ **forest** *noun*	A place with many trees.	*We walked in the forest today.*
☐ **grass** *noun*	It is a green plant that grows on the ground.	*We played on the grass in the park.*
☐ **ground** *noun*	It is the land we walk on.	*My ball is on the ground.*
☐ **island** *noun*	It is land with water all around it.	*We went to a small island on our boat.*
☐ **lake** *noun*	A lake is a big area of water.	*We swam in the lake last summer.*
☐ **leaf/leaves** *noun*	The green parts of a tree — one leaf, lots of leaves.	*The leaves on that tree are very green.*
☐ **moon** *noun*	It is a big, round object in the sky at night.	*I saw the moon last night.*
☐ **mountain** *noun*	It is a very big hill.	*We saw a tall mountain on our trip.*
☐ **plant** *noun, verb*	It is something green that grows in the ground.	*I water the plant in my bedroom.*
☐ **river** *noun*	A river is a long, flowing body of water.	*We went swimming in the river last summer.*
☐ **road** *noun*	A road is a path for cars to go on.	*We drove our car on the road.*
☐ **star** *noun*	It is a bright light in the sky at night.	*I saw a bright star last night.*
☐ **town** *noun*	A town is a place where people live and work.	*I go to school in my town.*
☐ **village** *noun*	A small town in the country.	*My grandma lives in a small village.*
☐ **waterfall** *noun*	Water falling from a high place.	*We saw a big waterfall on our hike.*
☐ **wave** *noun*	To move your hand to say hello or goodbye.	*I wave to my friend at school.*
☐ **world** *noun*	It is our planet, Earth.	*I want to travel around the world.*

Cần ôn thêm: từ vựng Pre-A1 Starters 3 từ

TỪ	NGHĨA (TIẾNG ANH)	CÂU VÍ DỤ
☐ **sand** *noun*	Small, loose grains make beaches.	*I like to play in the sand.*
☐ **sea** *noun*	Big salty water covers land.	*I like to swim in the sea.*
☐ **shell** *noun*	It is a hard outside covering.	*I find a shell on the beach.*

Nghe phát âm và chơi với các từ này

Danh sách này có hình, âm thanh và trò chơi miễn phí trên FlyersEnglish. Mở trang bên dưới trên điện thoại, máy tính bảng hoặc máy tính.

flyersenglish.com/vi/wordlist/movers/world-around-us

Bám sát danh sách từ vựng chính thức của Cambridge English Young Learners. Nghĩa và câu ví dụ do FlyersEnglish biên soạn. FlyersEnglish không liên kết với Cambridge và không được Cambridge bảo trợ.